

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100/2022/HNGĐ-ST.**

Ngày: 31 - 08 - 2022.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 05 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T; sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L; sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn L có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 01 năm 2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Vợ

chồng sống đã sống ly thân từ ngày 22/04/2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn với nhau được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn giữa tôi và anh Phạm Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 29/03/2017. Hiện con chung đang ở cùng với chị T. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/08/2022, tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ của anh Phạm Văn L) trình bày:

Anh L có nhận được các thông báo thụ lý, thông báo hoà giải và giấy triệu tập của Toà án về việc chị Phạm Thị T có đơn xin ly hôn đối với anh L. Vì lý do công việc nên anh L không đến Toà án trình bày quan điểm. Bà xác nhận anh L và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 2009. Vợ chồng anh L chị T có 01 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 29/03/2017. Hiện con chung đang ở cùng với chị T. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng anh L, chị T thì bà không nắm rõ.

Việc Toà án đến gia đình để làm việc với anh L thì gia đình đã gọi điện thông báo cho anh L được biết. Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, anh L có nói với bà là việc ly hôn thì tùy vào quyết định của chị T. Về con chung, anh L và gia đình bà đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của vợ chồng vì chị T thường xuyên đi làm ăn buôn bán, không hay ở nhà để chăm sóc con. Về tài sản chung, công nợ chung, anh L không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì lý do công việc nên anh L có nói với bà là đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS;

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nguyên đơn xin xét xử vắng là đúng quy định tại Điều 227; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị T, anh L mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56,

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T về phần con chung. Giao chị Phạm Thị T trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 29/03/2017. Việc chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết.

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm chính quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS;

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nguyên đơn xin xét xử vắng là đúng quy định tại Điều 227; 238 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn L có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 01 năm 2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống đã sống ly thân từ ngày 22/04/2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa tôi và anh Phạm Văn L.

Sau khi chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện và nhiều lần triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh L được biết nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Theo yêu cầu của chị T, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ của anh Phạm Văn L) trình bày: Anh L có nhận được các thông báo thụ lý, thông báo hoà giải và giấy triệu tập của Toà án về việc chị Phạm Thị T có đơn xin ly hôn. Vì lý do công việc nên anh L không đến Toà án trình bày quan điểm. Anh L có nói gia đình là việc ly hôn là tùy vào quyết định của chị T.

Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh L đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung:

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: vợ chồng chị T và anh L có 01 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 29/03/2017. Theo bà H (mẹ anh L) trình bày anh L và gia đình bà đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của vợ chồng vì chị T thường xuyên đi làm ăn buôn bán, không hay ở nhà để chăm sóc con. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án làm việc cũng như không có văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình về việc nuôi con chung. Hiện con chung đang ở cùng với chị T. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung cần giao cho chị T trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Việc chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Anh L có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 29/03/2017. Hiện tại con chung đang ở cùng chị T. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001987 ngày 30/05/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà